

44 Năm Sau, Nhìn Lại Mỗi Đau (tiếp kỳ trước)

Phan Nhật Nam



Người lính miền Nam cũng vấp phải tình thế không thể nào xoay trở, trước mũi súng anh chỉ thấy nhấp nhô trùng điệp vạn đầu tóc rối chạy loạn... (Hình: Flickr manhhai)

Tháng Ba, 1975, ở Đà Nẵng, Việt Nam, Tướng Ngô Quang Trưởng chỉ có một vài giờ, một hai ngày và những lệnh, phản lệnh từ Dinh Độc Lập, Bộ Tổng Tham Mưu. Những người lính, dân tại cù lao Vinh Lộc, tại cửa Thuận An lại càng khốn khổ hơn.

Bắt đầu là vô tổ chức, tiếp tới hỗn loạn và sau cùng là... bạo loạn. Công binh không thể bắc phà qua sông, tàu lớn không vào sát bờ, người đi tản trong cơn khiếp đảm khi cái chết dâng đầy, tràn ngập phải vùng vẫy tuyệt vọng từng giây phút ngắn tranh sống. Tiền sát viên pháo binh Cộng Sản điều chỉnh mục tiêu không phí một quả đạn. Đoàn người trần trụi trên dòng sông dưới đạn pháo. Sông là nhánh chảy ra phá Tam Giang, dòng nước đã soi bóng lửa thuở rất lâu. Từ năm 1946, năm vỡ mặt trận Việt Minh chống Pháp. Năm nay, 1975, người Cộng Sản bắn vào ai? Chống ai?

Cảnh bi thảm không phải chỉ bày ra nơi cù lao Vinh Lộc, cửa Thuận An. Một trăm cây số đường từ Huế vào Đà Nẵng dày đặc xe và người chạy loạn. Lúc đầu người ta sử dụng xe vận tải, xe du lịch, GMC... những xe động cơ bốn bánh, hai bánh. Tất cả đều chất cứng đồ đạc và lăn từng thước, từng chục thước đưng. Quân Cộng Sản không hề chậm chạp, lập ngay những chốt chặn ở những vùng núi đèo Phú Gia, Phước Tượng, ở Cầu Hai, Nong, Truồi... Bất cứ nơi nào thuận lợi cho việc phục kích. Lính Sư Đoàn 1 Bộ Binh, đơn vị đã từng giữ vững Bastogne, Checkmate... Đơn vị đã nhảy xuống Tchépone Hạ Lào, những tiểu đoàn bộ binh hàng đầu của quân lực miền Nam, đại đội trinh sát lưng lầy Hắc Báo, tất cả đều bị đám thân nhân, gia đình binh sĩ công kênh rối rắm, tan nát, âu lo bó tay. Người lính nào chiến đấu được với con trên lưng, vợ đang cơn nguy khốn?! Thế nhưng đoàn người vẫn phải lần từng bước đường về Nam, hướng đèo Hải Vân. Và khi xe hơi bị tắc nghẽn trong vũng lửa, chiếc honda đổ nhào xuống hố vực, người bé con lên tay, đầu gục xuống cát từng bước..



Con tui hấn chết rồi! Tui biết làm chi bây chừ "en" ơi! (Hình: Flickr manhhai)

Đèo Hải Vân đây rồi! Những người đã chạy từ Quảng Trị, Mỹ Chánh, Phong Điền, An Lỗ chen chân lên đường đèo ngày ngất khói đen dày. Vẫn còn những đơn vị lính Cộng Hòa giữ vững tay súng, Tiểu Đoàn 8 Thủy Quân Lục Chiến nhận bàn giao từ Lữ Đoàn I Nhảy Dù, trấn giữ đèo Hải Vân, ngăn quân Cộng Sản ở mặt bắc Quảng Nam-Đà Nẵng. Nhưng một tiểu đoàn trong chiến tranh buổi tàn cuộc có là bao?!

Năm 1944, quân đội đồng minh muốn giữ vững Bastogne giữa vòng vây Đức phải có một đơn vị sư đoàn – Sư Đoàn 82 Nhảy

Dù Mỹ do viên sĩ quan ngoại hạng, Maxwell Taylor chỉ huy. Tiểu Đoàn 8 Thủy Quân Lục Chiến nay đối diện với ba sư đoàn bộ binh nặng, một lực lượng gồm các trung đoàn, tiểu đoàn Cộng Sản địa phương, một vùng đất dài từ chân đèo, xã Lăng Cô cuối tỉnh Thừa Thiên ra đến sông Thạch Hãn, Quảng Trị, vùng đất bị lực lượng Cộng Sản lấn chiếm từ Mùa Hè 1972. Và xa hơn là Cửa Việt, Gio Linh, sông Bến Hải, vùng "giải phóng" đã được thu đoạt, củng cố từ 1972, 1973. Cuối cùng, xa hơn nữa, rộng hơn nữa – một miền Bắc xã hội chủ nghĩa "hậu phương lớn" của "tiền tuyến lớn miền Nam." Nhưng hấn chỉ ngừng lại ở đây, tăng cường, trợ lực cho Cộng Sản Bắc Việt còn có nước Trung Hoa mênh mông, Liên Bang Xô Viết vĩ đại, khối thành trì của phe

xã hội chủ nghĩa đang luôn chờ đợi, luôn chực sẵn cánh tay kéo dài xuống phương Nam – giấc mộng bền bỉ dài lâu của các chủng tộc người Hoa, Mãn, Slave... Tiểu Đoàn 8 Thủy Quân Lục Chiến QLVNCH không thể nào đương được như một lý đương nhiên. Người lính miền Nam cũng vấp phải tình thế không thể nào xoay trở, bởi trên đường đèo, trước mũi súng anh chỉ thấy nhấp nhô trùng điệp vạt đầu tóc rối chạy loạn, tràng âm thanh thấp thỏm bi thương... “En” lính Cộng Hòa ơi! “En” lính Cộng Hòa ơi! Tiếng kêu một lần anh nghe được từ Mậu Thân, từ Mùa Hè Đỏ Lửa 72. “En” ơi... Con tui hẳn chết rồi! Tui biết làm chi bây chừ “en” ơi! Người mẹ quê thất sắc, mắt lạc thần, giở vạt áo dài, đưa con nhỏ say nắng, bầm tím, chết ngạt từ bao lâu. Người đàn bà ngồi xuống lè đường trên đá núi, gục đầu vào xác thân nhỏ bé sẫm sấp tử khí gầy gầy. Chẳng phải người lính, đến Thượng Đế chắc cũng phải bật khóc gào lên.

Đà Nẵng không chỉ bị ép từ phía Bắc, mà cả từ phía Nam, vùng đất Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi đã bị cắt đứt ra từng mảnh nhỏ và người dân từ những nơi này tràn về Đà Nẵng để tìm một chỗ xuôi Nam. Và địa ngục tăng thêm cường độ nơi bến tàu, nơi chân cầu Trịnh Minh Thế, bến cá chợ Hàn, căn cứ Hải Quân Tiên Sa. Người ta dùng lưới để móc những kiện hàng quái dị... Đám người tan tác rên rỉ khóc la khản đặc. Nhưng dẫu có bị móc đi bằng lưới hoặc giành được một chỗ trên phi cơ (dân hoặc quân sự, kể cả máy bay Mỹ), những người rời xa Đà Nẵng cũng còn thử được hơi dài... Đã thoát khỏi chết. Đã thoát khỏi Việt Cộng. Thoát khỏi một thành phố tràn ngập tiếng động từ những kho hàng bị cướp phá, người bị cướp, bị giết kêu cứu... Đám tù quân phạm từ những trại quân lao tràn ra, trả thù những năm tháng giam giữ với cách phát triển bản năng ác độc từ lâu ức chế với cách thức thú vật hung tàn.



Máy bay cất cánh với chân, tay người thò ra nơi khoang chứa bánh đóp! (Hình: Flickr manhhai)

Cơn hấp hối của Đà Nẵng không kéo dài. Ngày 27 Tháng Ba, pháo binh Cộng Sản bắt đầu bắn thăm dò vào Đà Nẵng từ những vùng lân cận vừa lấn chiếm. Bộ Tư Lệnh mặt trận Bình-Trị-Thiên phối hợp với mặt trận B2, Quảng Nam-Đà Nẵng quyết định dùng Sư Đoàn 324 và 325C từ mạn Bắc chiếm đèo Hải Vân đổ xuống; từ hướng Nam và Tây Nam hai Sư Đoàn 407 và 711 đánh lên. Chiến trận được hai trung đoàn pháo và thiết giáp yểm trợ. Hỏa lực của pháo binh Cộng Sản tập trung vào Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I và căn cứ Hải Quân Tiên Sa, các địa điểm

thực hiện kế hoạch di tản. Nhưng thực tế không còn kế hoạch nào nữa, bởi vì các điểm, căn cứ đã là những vị trí hỏa tập.

Đặc công Cộng Sản trà trộn vào đám đông điều chỉnh từng quả đạn nổ chính xác giữa những thân người chen chúc. Ngoài khơi Đà Nẵng một hạm đội chực sẵn gồm tàu Việt Nam Cộng Hòa, Đại Hàn, Đài Loan, Úc, Anh, Phi Luật Tân... Và lẽ tất nhiên có tàu hải quân và dân sự Mỹ. Nhưng bởi Mỹ là nước “cam kết” tôn trọng thực hiện Hiệp Định Paris, nên Tổng Thống Ford đã ra lệnh cho tàu Mỹ không được vào hải phận Việt Nam.

Do thái độ “ngghiêm chỉnh” của Mỹ và đồng minh phe tự do, người tị nạn phải đợi con lên đầu, công mẹ sau lưng lần từng bước, dò đáy biển tiến ra khơi! Thấy người mắc vào gềnh đá trời sẫm sấp. Qua ngày 28, bãi biển đã thành một nghĩa địa bồng bênh xê dịch. Người sống sót rẽ thân chết đi ra phía trùng dương mờ đục khói. Khói sóng và khói đạn pháo binh, hỏa tiễn. Nhiều trường hợp xác chết biến thành cái phao để người “chưa chết” bám víu vẫy vùng, cố sống. Cố gắng sống thêm vài phút ngắn. Trong đám người tan vỡ này có Tướng Ngô Quang Trưởng. Ông bơi ra một chiếc xuồng rồi lên một tàu của Hải Quân Việt Nam do trợ lực của một sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến. Chiếc tàu đã biến dạng bởi binh sĩ đã ngồi tràn lên cả cột cờ, ụ súng. Trông giống như tổ kiến khổng lồ trôi dạt trên sóng biển. Tình cảnh trên những tàu dân sự ngoại quốc càng tồi tệ hơn. Gàn mùi ngàn người chôn chắt lên nhau trên một chiếc tàu chở hàng với vài chục thủy thủ. Ngàn con người không nước uống, không thức ăn cào xé nhau dưới hầm tàu nghẹn thở hoặc trên boong sắt bốc hơi nóng dưới mặt trời đầu Hè của miền Trung.

Tàu Victoria chở người di tản ghé Cam Ranh. Người cha bé đưa con bước xuống bãi cát trắng. Cát nóng sôi lúc nhúc những đầu người cuồng quýt. Không một tiếng động lớn, không âm ì òn ào, chỉ khe rít nhỏ rầm rì giữa những cánh môi khô nẻ, trắng bọt xám... Nóng quá!! Khát quá!! Chiếc tàu họ vừa rời khỏi đã là một nghĩa địa di động, nhưng khốn khổ hơn những lò thiêu người Do Thái ở Auschwitz, Birkenau, bởi hơi nóng của vỏ, sàn tàu dưới mặt trời không đủ nhiệt để đốt cháy da thịt người.

Trên sàn, dưới hầm lênh kênh những thân chết chưa đúng nghĩa... Những người ngộp thở vì bị đè, ép, dẫm lên. Người già và trẻ em chiếm phần lớn. Những sinh vật vô tội và vô hại đối với bất cứ chế độ chính trị nào, bất cứ lực lượng vũ trang nào. Các cuộc tấn công quân sự của lực lượng Cộng Sản khởi đi từ Tháng Ba đã biến những xác chết này nên thành chứng cứ của tội lỗi. Và họ phải chịu cơn hấp hối từ rất lâu trước khi “được” chết để đền xong mọi tội. Tội đã sinh và sống nơi vùng “tạm chiếm của bọn ngụy quân, ngụy quyền” – Tội làm người nơi nước Việt, ở miền Nam.

Nha Trang cùng lâm cơn hấp hối với Đà Nẵng. Người Nha Trang bị dồn ép, bị đuổi siết bởi những người chạy loạn từ Pleiku, Phú Bổn xuống; từ Tuy Hòa, Bình Định, Quảng Nam, Quảng Ngãi ùa vào... Tất cả lại chuẩn bị lên xe, hướng phía Nam, Phan Thiết, Bình Tuy... Sài Gòn. Sài Gòn, như kẻ phụ tình cay đắng cuối đi không thể rời bỏ. Và cảnh cũ của Bến Cá, phi trường Đà Nẵng lập lại tầng tầng bi thảm nơi Cầu Đá, phi cảng Nha Trang. Máy bay cất cánh với chân, tay người thò ra nơi khoang chứa bánh đáp! Đọc đường Số 1 những chiếc trực thăng chở khảm chòng chành rơi vãi những thân người tan tác theo luồng gió và cánh quạt động cơ đưa đi. Và biển Đông lại nhận thêm được những tặng phẩm khổng lồ cùng mới mẻ... Những thân người vào ra sập sập theo triều sóng ngậm ngùi. Tượng Thánh Mẫu Thiên Y từ đỉnh cao Tháp Bà đầu cầu xóm Bồng, Nha Trang một đêm bất ngờ, vô cớ rơi xuống! Hàng triệu sâu bọ từ mạch đất sâu bật tung bò ra lênh đênh hơn cây số đứng từ Cam Ranh đi Phan Rang. Đoàn người chạy loạn dẫm lên nghe nhầy nhầy, sừng sực như đạp phải thân chết. Chẳng ai để ý.

Tất cả đã quen với cái chết. Con người đang chết. Sự chết toàn diện của lần tận diệt. Mùa Chúa chịu nạn giải cứu thế gian diễn ra cùng lần bức tử miền Trung. Khởi đầu buổi Đồng Tế tàn cuộc miền Nam. Bắt đầu từ ngày 10 Tháng Ba ở Ban Mê Thuộc. Không cần đủ hết Tháng Ba.

Bốn.



Tháng Ba, 1975, ở Mỹ có nhiều ý kiến về Việt Nam. Diễn hình với người công dân Milliard E. Crane ở Fonda, New York, trong lá thư gửi ban biên tập báo Newsweek viết nên lời thông thiết: *“Tinh Thần 76 đâu rồi? Hôm nay nước Mỹ đứng yên nhìn Cambodia, tiếp đến Việt Nam lần lượt rơi vào nanh vuốt bọn xâm lược. Và như quân bài domino dần tan rã, phải chăng lần tới sẽ là Thái Lan, rồi đến Nam Hàn, Trung Hoa Dân Quốc với Đài Loan và tiếp tục nữa chẳng? Những dân tộc này đã và đang chiến đấu cho những lý tưởng quan yếu như chúng ta hằng chống lại đế quốc Anh. Chúng ta đốt pháo bông ăn mừng khi hỏa tiễn dày xéo tự do ở nơi bên kia thế giới được chẳng? Chúng ta nên cần một Patrick Henry nung nấu dòng máu và một George Washington giữ thẳng xương sống chúng ta.”*

Nhưng hòa bình lại không do từ những con người trên, hòa bình đến bởi Kissinger, người phải ngậm cục kê vào miệng – giải thưởng Nobel Hòa Bình để không thể nói một lời gì khác ngoài việc phải hô hào bảo vệ cho kỳ được nền “hòa bình trong danh dự” mà ông ta đã phải xoay trở mãi từ 1968 đến Tháng Giêng, 1973, mới ráp nối được. Hòa bình đó đã tồn tại đến những hai năm, hai tháng cho dù đôi khi lâm bệnh ngặt nghèo với vụ lấn chiếm Tổng Lê Chân và Phước Long.

Nếu “Hòa Bình” phải cơn hấp hối như hôm nay (Tháng Ba, 1975) thì ắt phải do... Nguyễn Văn Thiệu “một người tuyệt vọng đến độ phát hoảng” và dù cho miền Nam có mệnh hệ nào thì “Việt Nam cũng không phải là tận cùng thế giới” và đây cũng là lỗi của Quốc Hội – nơi đảng Dân Chủ kiểm soát Hạ lãn Thượng Viện, với Kennedy, Johnson đã đưa cuộc diện Việt Nam vào bãi lầy nên phải cạy đến khôn ngoan rất mực của ông ta mới tìm ra lối thoát. Mà việc này ông đã “hoàn tất một cách xuất sắc” với giải Nobel Hòa Bình cao quý! Tóm lại, chỉ còn đôi lời cam kết giữa hai tổng thống Nixon và Nguyễn Văn Thiệu! Cũng không có gì khó, sẵn vụ năm anh Cuba đột nhập vào tòa nhà Watergate của đảng Dân Chủ, lục túi thấy một đồng đô la vừa tiền mặt, vừa tín phiếu, và sổ ghi các điện thoại. Truy tầm một hồi thì thấy ngay xuất xứ của số tiền, các tín phiếu

này (dù qua một hệ thống nhiều ngân hàng của Mỹ và Mỹ Tây Cơ) vốn từ quỹ vận động bầu cử Tổng Thống Nixon! Chạy thế nào thoát.

Hai ký giả Bernstein và Woodward của báo Washington Post vớ phải ngay một “ông nằm vùng, bí danh Deep Throat” từ đâu trong Bạch Cung. Ông này hằng tuần hẹn hò trên trang 20 báo Post dò hỏi cách gặp gỡ. Và nếu khẩn cấp thì gọi nhau, cho ám hiệu. Thế là, ông Nixon chửi thề như thế nào, ông John Mitchell nói cái gì, cố vấn Haldeman thở than với vợ ra làm sao... Tất cả đầu đó đã sẵn để hai ông nhà báo lựa chọn, ra tin.



Chỉ một Tháng Ba, 1975, miền Nam mất \$700 triệu chiến cụ. (Hình: Flickr manhhai)

Giằng co một hồi đến 8 Tháng Tám, 1974, thì Tổng Thống Nixon buộc phải từ chức! Ai hứa với ai gì nào? Tổng thống kế nhiệm Gerald Ford khi đến Palm Spring, California, chơi golf bị ký giả truy hỏi về tình hình Việt Nam; vừa chạy vừa cười tươi. Chiến tranh Việt Nam đã là dĩ vãng! Đến một lúc sau khi nói chuyện với doanh nhân, nhân viên chính quyền cao cấp ở San Diego ông mới nói thật...

“Tình hình quả thật bi thảm và chúng ta cần một ý nghĩa mới về đoàn kết quốc gia tại thời điểm đau buồn, hỗn

loạn này...” Nhưng ông cũng không quên yêu cầu Quốc Hội chuẩn y phần viện trợ khẩn cấp. Sự cố gắng của tổng thống Hoa Kỳ được hiện thực. Quân cảng Vũng Tàu, Tân Cảng cầu xa lộ Sài Gòn được tiếp nhận thêm một số quân trang, quân cụ, vũ khí mới... Súng 105 đờn Thế Chiến Thứ II, nón sắt, ống nhôm, và súng colt và xe GMC. Chỉ một Tháng Ba, 1975, miền Nam mất \$700 triệu chiến cụ đến nỗi một viên chức Ngũ Giác Đài phải ngao ngán thốt lên: “Tốt hơn hết chúng ta nên chuyển thẳng cho Hà Nội, như thế khỏi phải bị hư hao...”

Khi bị chất vấn về 58,000 quân nhân Mỹ tử trận ở Việt Nam, vị tổng thống không do đấu tranh, bầu cử mà nên chức phận, đã ngậm ngùi than vãn: “Chúng ta quả thực không thực tế một chút nào vì đã quá trịnh trọng cam kết tại hội nghị khi đã chấm dứt tranh đấu ở Việt Nam.” Và nếu có đôi chút thành thật họa chăng là lời thú nhận cay đắng của Phó Tổng Thống Nelson Rockefeller... “Tôi e rằng một số người Việt đang dần chết... Trong khi, chúng ta vẫn tiếp tục sống...” Nói như thế kể ra cũng đủ gọi là thành tâm!

Trong ngày đầu Tháng Tư, 1975, cựu Bộ Trưởng Thông Tin Chiêu Hồi Hoàng Đức Nhã lúc ấy giữ chức vụ cố vấn riêng của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn Văn Thiệu đã có mặt tại Tân Gia Ba theo lời mời của Thủ Tướng Lý Quang Diệu. Thủ Tướng Lý mời Cố Vấn Nhã đến để trao gởi một nguồn tin quan trọng. Ông vào thẳng vấn đề:

“Đừng để mất thì giờ vô ích, tôi mời ông tới đây bởi kết thúc ở Việt Nam sắp xảy ra, đang phải đến.” Thủ Tướng Diệu nói rõ: Phó Tổng Thống Mỹ Rockefeller vừa hỏi ý kiến ông cũng như những vị lãnh đạo Á Châu khác là: “Liệu chúng ta có cách gì để đưa ông Nguyễn Văn Thiệu ra đi hay không.”

Hóa ra chuyến viếng thăm không chính thức các nước Đông Nam Á của Phó Tổng Thống Rockefeller nhân dịp viếng lễ tang Thống Chế Tường Giới Thạch vừa qua tại Đài Loan vào ngày 5 Tháng Tư là để thông báo một điều quan trọng: Đã đến lúc chính phủ Mỹ cần thay người cầm quyền ở Nam Việt Nam. Ông Hoàng Đức Nhã liền thông báo cho Tổng Thống Thiệu nguồn tin chẳng mấy phần khởi này, một phần ông cũng đã hiểu ra thực tế: Giới quân nhân, những tư lệnh các quân khu qua tình hình chiến sự đã không còn tin tưởng Tổng Thống Thiệu vốn là một tướng lãnh quân đội.

Cuộc rút bỏ Tây Nguyên vào ngày 15 Tháng Ba tiếp theo lần di tản Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang... vào cuối Tháng Ba với chuỗi thảm cảnh kinh hoàng của dân và lính vượt khỏi tất cả những dự kiến, làm tan vỡ sức chiến đấu, phá hủy quân trang cụ, vũ khí của hai Quân Khu I và II đã bày ra điều cùng cực phi lý và tàn nhẫn: Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu, tổng thống Việt Nam Cộng Hòa đã không kiểm soát được tình hình chính trị lẫn quân sự của miền Nam. Hơn thế nữa lời thông báo của Phó Tổng Thống Rockefeller không là ý kiến riêng của người lãnh đạo ở Tòa Bạch Ốc nhưng là phản ảnh thực tế về quyết định của chính giới Mỹ đối với tình thế chung cho toàn vùng Đông Nam Á. Đây là Mỹ rút ra khỏi vùng này theo thỏa thuận với Trung Cộng

từ thông cáo Thượng Hải ký năm 1972 giữa Châu Ân Lai và Nixon. Tổng Thống Thiệu làm sao không biết thì ai biết tới kết thúc này? Không biết chính xác lúc nào mà thôi!

Ngày 12 Tháng Tư, Nam Vang, Cambodia, thất thủ, tất cả bộ trưởng của nội các Long Boret chỉ trừ một người thuận di tản theo đề nghị của Tòa Đại Sứ Mỹ, tất cả đồng ở lại với đất nước và đã là những nạn nhân bị hành quyết đầu tiên bởi cách hành hình man rợ của đám đao phủ Khmer Đỏ.



Chủ tịch Thượng Viện Trần Văn Lắm từ Hoa Thịnh Đốn trở về với tin sét đánh: “*Không những không có \$300 triệu quân viện bổ sung mà có thể không còn viện trợ quân sự nữa!*”

(Hình: Flickr manhhai)

Diễn hình là vị cố vấn chính trị Sirik Matak của Tổng Thống Lon Nol đã có lá thư tuyệt mệnh gửi đến Đại Sứ Mỹ Dean John với lời lẽ khẳng quyết bi tráng như sau:

“*Kính gửi ngài đại sứ và các bạn... Tôi chân thành cảm ơn lá thư ngài chuyển tới với đề nghị giúp tôi phương tiện đi đến vùng tự do. Nhưng hỡi ơi, tôi không thể bỏ*

đi một cách hèn hạ như thế được. Xin ngài cứ ra đi, và tôi cầu chúc ngài cùng đất nước Hoa Kỳ có được nhiều điều hạnh phúc dưới cõ trời này. Nếu tôi có phải chết thì cũng chết trên đất nước mà tôi vô cùng yêu quý dấu cho đây là điều bất hạnh, nhưng chúng ta ai chẳng sinh ra và một lần mất đi. Tôi chỉ phạm một lỗi lầm là đã tin vào ngài và tin vào những người bạn Mỹ.”

Từ tình cảnh của Cambodia hiểu ra tình thế của miền Nam khi tình hình quân sự hoàn toàn suy sụp, và Mỹ quyết định chấm dứt sự dính líu đến VNCH! Ngày 8 Tháng Tám, 1974, Tổng Thống Richard Nixon từ chức, Phó Tổng Thống Ford lên kế vị, vốn là một chủ tịch Hạ Viện được kế vị do hiến định nên khoản trắng vẫn để đối ngoại, an ninh quốc gia cho Cố Vấn kiêm Ngoại Trưởng Henry A. Kissinger.

Số phận Việt Nam được quyết định với viện trợ kinh tế bị cắt khoảng 50% (theo đề nghị của Thượng Nghị Sĩ Kennedy), và viện trợ quân viện được xác nhận ở số \$625 triệu, có thể chỉ là \$500 triệu (tức cắt đến 60%). Tháng Mười Hai, 1974, tình lý Phước Long bị mất, Tổng Thống Ford, Ngoại Trưởng Kissinger đã không có hành động đáp ứng cụ thể nào như đã hứa hẹn, cam kết. Tổng Thống Gerald Ford lại bị trói buộc toàn diện bởi Nghị Quyết Sử Dụng Vũ Lực Chiến Tranh đã được Quốc Hội Mỹ phê chuẩn từ Tháng Mười Một, 1973. Nghị quyết này hiện thực đạo luật cắt bỏ quỹ “Hoạt Động Tác Chiến” vốn được dùng để yểm trợ cho chiến cuộc Đông Dương trước Hiệp Định 1973.

Tổng Thống Ford cố làm yên lòng Tổng Thống Thiệu bằng cách cử một phái đoàn do Thứ Trưởng Quốc Phòng Clements sang Sài Gòn; ông Thiệu chỉ định Đại Sứ Trần Kim Phụng, Bộ Trưởng Vương Văn Bắc sang gặp Tổng Thống Ford. Tổng thống Mỹ hứa cứu xét đến quân viện bổ sung \$300 triệu để phục hồi lại \$1 tỷ như hoạch định. Cần nhắc lại những số liệu để so sánh: 1/Giai đoạn 1966-1970: Mỹ tiêu \$25 tỷ/năm bởi có 500,000 quân Mỹ và đồng minh đang tham chiến. 2/1970-1971: \$12 tỷ/năm vì đang rút quân. 3/Sau khi Mỹ rút hết quân thì: 31/Tài khóa 1973: \$2.1tỷ; Tài khóa 1974: \$1.4 tỷ; Tài khóa năm 1975: \$700 triệu. Vậy nếu có được \$300 triệu bổ sung thì quân viện năm 1975 cũng chỉ được \$1 tỷ.

Khi quân Cộng Sản miền Bắc khởi đầu tấn công Ban Mê Thuộc trong ngày 10 Tháng Ba; Chủ tịch Thượng Viện Trần Văn Lắm từ Hoa Thịnh Đốn trở về với tin sét đánh: “***Không những không có \$300 triệu quân viện bổ sung mà có thể không còn viện trợ quân sự nữa!***” Như thế, \$300 triệu (dự trừ bổ sung) vào ngày 13 Tháng Ba, 1975, đã trở thành “Số Không” vì đảng Dân Chủ kiểm soát cả Hạ lẫn Thượng Viện đã bỏ phiếu với đại đa số: Chống bất cứ viện trợ nào cho Việt Nam kèm theo lời tàn nhẫn: “***Viện trợ di tản thì cho, chứ một xu (viện trợ quân sự) cho Thiệu thì không.***”

Trong cùng lúc: “**Từ 1974 qua 1975, miền Bắc đã đưa vào Nam một số lượng quân trang cụ, vũ khí là 823,146 tấn – gấp 1.6 lần số lượng đã vận chuyển của 14 năm qua** (kể từ 1960, năm bắt đầu thành lập

Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, 19 Tháng Mười Hai, 1960).

Người lính VNCH ở chiến trường không biết những số liệu trên, họ chỉ biết: Trước “Hiệp Định Ngưng Bắn Tái Lập Hòa Bình Tại Việt Nam, 27 Tháng Giêng, 1973” trên chiến trường, trước khi xung phong vào mục tiêu họ được phi, pháo yểm với số lượng không hạn chế nếu như đụng địch. **Nay năm 1974, 1975, một mục tiêu chỉ còn “Bốn (4) viên đạn 105 ly cho một lần đung trận.”**

Người lính cũng không biết thực tế: Nếu không có biến cố Tháng 30 tháng Tư thì cũng chỉ đến khoảng Tháng Sáu, 1975, đạn tồn kho sẽ hết, và đến tháng 8 là hết sạch. Báo cáo của Tổng Cục Trường Tổng Cục Tiếp Vận Trung Tướng Đồng Văn Khuyên lên Đại Tướng Cao Văn Viên Họ cũng không biết trong Chiến Dịch Hồ Chí Minh tấn công vào Sài Gòn cuối Tháng Tư: **“Toàn thể quân đội miền Bắc đang có mặt ở miền Nam! Lúc ấy chỉ cần một Lữ Đoàn Thủy Quân Lục Chiến Mỹ là có thể chiếm hết miền Bắc.”** Người tuyên bố câu tán thán này không ai lạ, Ngoại Trưởng Hoa Kỳ Henry Kissinger!

Phan Nhật Nam

(Còn tiếp kỳ cuối)